

CÔNG TY TNHH TM SƯƠNG MAI

PHIẾU AN TOÀN HÓA CHẤT

SODIUM CYANIDE

SỨC KHỎE 3

ĐỀ CHÁY 1

PHẢN ỨNG 0

BẢO VỆ CÁ NHÂN J

Số CAS: **143-33-9**

Số UN: **1689**

Số đăng ký EC: **205-599-4**

Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại (nếu có):

Số đăng ký danh mục Quốc gia khác (nếu có):



I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT

- Tên thường gọi của chất: **Sodium Cyanide**

- Tên thương mại: **Sodium Cyanide**

- Tên khác (không là tên khoa học)

- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu:

- Tên nhà sản xuất và địa chỉ:

- Mục đích sử dụng: Dùng trong công nghiệp, thí nghiệm.

Mã sản phẩm (nếu có)

Không có thông tin

Địa chỉ liên hệ trong trường hợp khẩn cấp:

CÔNG TY TNHH TM SƯƠNG MAI

27, Đồng Khởi, Ninh Kiều, TPCT

ĐT:0710 3826699 – Fax: 3833629

0913 870379

II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Sodium Cyanide	143-33-9	NaCN	100 %

III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

1. Mức xếp loại nguy hiểm :

Theo HMIS (Mỹ)

- Sức khỏe: 3

- Dễ cháy: 1

- Phản ứng : 0

- Bảo vệ cá nhân: J



(Mức bảo vệ cá nhân J bao gồm: Kính chống bắn tóe, găng tay, tạp dề, khẩu trang chống bụi, mặt nạ phòng độc)

Các thông tin về mức xếp loại nguy hiểm khác:

Theo WHMIS (Canada)

- Chất dễ cháy nhóm **B6**,
- Các chất gây độc cấp tính nghiêm trọng nhóm **D-1A (Rất độc)**
- Chất rắn ăn mòn **nhóm E**

Các thành phần đánh dấu theo hệ thống đồng nhất toàn cầu (GHS)



Dấu hiệu: **Nguy Hiểm**

2. Cảnh báo nguy hiểm:

- Tổng quan: là chất cực độc, tránh tiếp xúc trong mọi trường hợp, Phải có trang bị bảo hộ trước khi làm việc. Nếu dính trên da gây đau, bỏng, dính trên mắt gây đỏ, đau mắt hoặc mù mắt, Nếu hít hoặc nuốt phải gây ức chế hô hấp, thần kinh trung ương, loét đường tiêu hóa, thủng dạ dày... hôn mê, tử vong
- Lưu ý khi tiếp xúc, bảo quản, sử dụng: Lưu trữ trong thùng kín. Lưu trữ tại nơi khô ráo, thoáng mát, riêng biệt và thông gió tốt, tránh xa nơi có thể gây cháy. Tránh nhiệt, độ ẩm và tránh các vật tương khắc. Bảo vệ để tránh sự nguy hại về mặt cơ lí. Sử dụng thiết bị và dụng cụ không phát lửa. Không tẩy rửa, sử dụng thùng chứa vì mục đích khác. Khi mở những thùng chứa kim loại không dùng những dụng cụ đánh lửa. Những thùng chứa khi hết vẫn có thể gây hại. Tuân thủ các cảnh báo và hướng dẫn cho sản phẩm.. Sử dụng đúng phương tiện bảo hộ cá nhân. Sử dụng thiết bị bảo hộ phù hợp theo giới hạn tiếp xúc

3. Các đường tiếp xúc và triệu chứng :

- Đường mắt: gây dị ứng có thể gây bỏng làm mù loà.
- Đường thở: ức chế hô hấp ức chế hệ thần kinh trung ương,.... Triệu chứng bao gồm: nhức đầu, suy nhược, chóng mặt, buồn nôn, khó thở, ói mửa, nhịp tim yếu, hôn mê co giật, tử vong
- Đường da: gây dị ứng đau và bỏng hoặc tạo thành sẹo.
- Đường tiêu hóa: nếu nuốt phải có thể gây cháy miệng, họng, dạ dày. Liều cao gây mất ý thức và gây chết.

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

TRONG TRƯỜNG HỢP NHIỄM ĐỘC xyanua, điều trị cấp cứu ngay lập tức, sau đó đưa đến cơ sở y tế. Một bộ dụng cụ thuốc giải độc xyanua (amyl nitrit, nitrit natri và thiosulfat natri) nên có sẵn trong bất kỳ khu vực làm việc xyanua. Hành động được thực hiện trong trường hợp ngộ độc xyanua cần lập kế hoạch và thực hành trước khi bắt đầu làm việc với xianua. Oxy và nitrite amyl có thể được sử dụng đầu tiên trước khi y tế đến. Cho phép thành nạn nhân hít nitrite amyl cho 15-30 giây mỗi phút cho đến khi tiêm tĩnh mạch nitrit

natri, thiosulfat natri (xem lưu ý bác sĩ điều trị). A mới amilic nitrite ampule nên được sử dụng mỗi 3 phút. Nếu có ý thức, nhưng các triệu chứng (buồn nôn, khó thở, chóng mặt, vv) là hiển nhiên, cho oxy. Nếu ý thức bị suy giảm (không trả lời, nói lú lờ, lẫn lộn, buồn ngủ) hoặc bệnh nhân bị bất tỉnh nhưng vẫn còn hô hấp, cho uống oxy và nitrite amilic qua đường miệng. Nếu không thở, cung cấp oxy và nitrite amilic ngay lập tức bằng phương tiện đường khí (hô hấp nhân tạo).

1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt:

- Rửa mắt bằng một lượng nước lớn ít nhất 15 phút trong khi liên tục đẩy mi mắt trên và dưới. Phải gọi bác sĩ ngay lập tức.

2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da :

- Ngay lập tức tháo bỏ hết quần áo, giày...bị hoá chất bắn vào, phải giặt sạch chúng trước khi đưa vào sử dụng lại. Rửa thật kỹ lưỡng bằng một lượng nước lớn ít nhất 15 phút. Sau đó phải gọi bác sĩ ngay lập tức.

3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp :

- Chuyển nạn nhân ra khỏi khu vực nguy hiểm tới nơi thoáng mát. Nếu nạn nhân khó thở cho nạn nhân thở bình oxy. Phải hô hấp nhân tạo ngay nếu nạn nhân ngừng thở. Giữ thật thoải mái và chuyển ngay tới bệnh viện gần nhất.

4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa:

- Nếu nuốt phải, giữ thật thoải mái. Sau đó uống nhiều nước hoặc nước chanh. Lưu ý không được cho vào miệng nạn nhân bất cứ vật gì. Và ngay lập tức phải chuyển ngay tới bệnh viện gần nhất và có sự điều trị của bác sĩ.

5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị: Nếu bệnh nhân không đáp ứng với amyl nitrite, tiêm tĩnh mạch với 10ml dung dịch 3% sodium nitrit với tỷ lệ không quá 2,5-5 ml / phút. Sau khi hoàn tất, tiêm trực tiếp với 50 ml dung dịch 25% thiosulfat natri theo tỷ lệ tương tự thuốc trên. Cho nạn nhân thở oxy và tiếp tục theo quan sát xem nạn nhân từ 24-48 giờ. Nếu dấu hiệu ngộ độc xyanua vẫn tồn tại hoặc xuất hiện trở lại, lặp lại thuốc nitrite và thiosulfat tiêm 1 giờ sau đó và dùng 1 / 2 liều ban đầu. Cyanocobalamin (B12), 1 mg tiêm bắp, để có thể cải thiện tốc độ phục hồi. Tiếp tục cho bệnh nhân thở oxy và theo dõi.

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

1. Xếp loại về tính cháy :

- Không được coi là chất dễ cháy nhưng khi phân hủy hay tiếp xúc với acid, vật liệu này rất dễ cháy và sinh ra khí hydro, khí cyanua.

- Không là chất có nguy cơ nổ nhưng khi đun nóng với clorate hoặc nitrie đến 450 độ C có thể gây ra vụ nổ.

2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy: sinh ra khí hydro, khí cyanua:

3. Các tác nhân gây cháy, nổ: Lửa, nhiệt, acid.:

4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác :

- Sử dụng bất kì phương tiện chữa cháy nào.

5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy :

- Nếu cháy, mặc quần áo bảo hộ NIOSH, mặt nạ kín với áp lực tiêu chuẩn. Có thể phun

nước để làm mát thùng chứa.

6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ: Là chất cực độc, khi tiếp xúc phải sử dụng đầy đủ trang bị bảo hộ và dưỡng khí.

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

Tuân theo tất cả các quy định tương ứng của địa phương và quốc tế. Tránh tiếp xúc với các vật liệu bị tràn đổ hay thất thoát. Vứt bỏ ngay lập tức trang thiết bị nhiễm bẩn. Cách ly khu vực nguy hiểm và không cho những người không có nhiệm vụ hay không được bảo vệ vào khu vực này. Đứng ở đầu gió và tránh những khu vực thấp. Ngăn chặn sự rò rỉ nếu có thể và không gây nguy hiểm. Loại bỏ tất cả các nguồn gây cháy nổ trong khu vực xung quanh. Sử dụng các vật liệu có khả năng hấp thụ (hấp thụ sản phẩm hay mức nước chứa cháy) để tránh làm nhiễm môi trường. Ngăn chặn sự lan rộng hay đi vào cống, rãnh hay sông bằng cách sử dụng cát, đất hay các vật chắn phù hợp khác. Cố gắng phân tán hơi hay hướng dòng của nó vào một vị trí an toàn, ví dụ như sử dụng bụi sương. Sử dụng các phương pháp khuyến cáo chống lại sự tích điện tĩnh. Đảm bảo sự liên tục của dòng điện bằng cách bọc và nối đất tất cả các thiết bị. Theo dõi khu vực với thiết bị báo khí dễ cháy. Phải thông báo cho chính quyền địa phương nếu không khống chế được lượng sản phẩm bị đổ tràn ra. Hơi có thể tạo thành một hỗn hợp có khả năng nổ với không khí.

1. Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ:

Giới hạn tiếp xúc không khí:

- Giới hạn tiếp xúc cho phép theo OSHA (PEL): 5 mg/m³ tối đa
- Giới hạn tiếp xúc cho phép theo ACGIH : 5 mg/m³ (TWA) tối đa

Trang bị đồ dùng bảo hộ cá nhân đầy đủ và thích hợp theo tiêu chuẩn NIOSH.

Phải có hệ thống thông gió tốt để khống chế sự bay hơi và phân tán trong khu vực làm việc. Cô lập vùng bị tràn hoá chất nguy hiểm. Chứa hoặc lấy lại hoá chất nếu có thể. Không để tràn hoá chất vào cống thoát nước. Những chất còn lại do tràn, rò rỉ thì có thể dung dịch NaOCl, Ca(OCl)₂ để xử lý và đặt trong thùng chứa thích hợp để đem tiêu huỷ.

2. Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng :

Giới hạn tiếp xúc không khí:

- Giới hạn tiếp xúc cho phép theo OSHA (PEL): 5 mg/m³ tối đa
- Giới hạn tiếp xúc cho phép theo ACGIH : 5 mg/m³ (TWA) tối đa

Trang bị đồ dùng bảo hộ cá nhân đầy đủ theo tiêu chuẩn NIOSH: nếu lần giới hạn tiếp xúc vượt quá 10 lần và không thể kiểm soát kỹ thuật, thì sử dụng mặt nạ phòng độc nửa mặt. Có thể sử dụng mặt nạ phòng độc nếu giới hạn tiếp xúc vượt quá 50 lần. Nếu không xác định được mức độ vượt quá giới hạn tiếp xúc, thì sử dụng mặt nạ phòng độc có áp suất không khí. Chú ý: mặt nạ phòng độc lọc không khí không có tác dụng trong khu vực thiếu oxy. Phải có hệ thống thông gió tốt để khống chế sự bay hơi và phân tán trong khu vực làm việc. Cô lập vùng bị tràn hoá chất nguy hiểm. Chứa hoặc lấy lại hoá chất nếu có thể. Không để tràn hoá chất vào cống thoát nước. Những chất còn lại do tràn, rò rỉ thì có thể dung dịch NaOCl, Ca(OCl)₂ để xử lý và đặt trong thùng chứa thích hợp để đem tiêu huỷ.

VII. YÊU CẦU VỀ CÁT GIỮ

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng, thao tác với hóa chất nguy hiểm:

- Sử dụng thiết bị và dụng cụ không phát lửa, không ăn uống, hút thuốc, không lưu trữ chất

để bắt lửa, có hệ thống thông gió tốt để kiểm soát và ngăn ngừa tràn đổ, rò rỉ hoá chất trong khu vực làm việc. Nên sử dụng ống dẫn khí để giữ sự tiếp xúc nằm trong giới hạn. Găng tay, ủng, kính, áo khoác, tạp dề hoặc quần áo liền mảnh cần phải được sử dụng khi tiếp xúc.

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản:

- Lưu trữ trong thùng kín tại nơi khô ráo, thoáng mát, riêng biệt và thông gió tốt, tránh xa nơi có thể gây cháy. Tránh nhiệt, ẩm ướt và tránh các vật tương khắc. Bảo quản tránh sự hư hại về mặt cơ lí. Không tẩy rửa, sử dụng thùng chứa vì mục đích khác. Khi mở những thùng chứa kim loại không dùng những dụng cụ đánh lửa. Những thùng chứa khi hết vẫn có thể gây hại vì chúng chứa bụi, cặn. Tuân thủ các cảnh báo và hướng dẫn cho sản phẩm.

VIII. TÁC ĐỘNG LÊN NGƯỜI VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các giới hạn tiếp xúc:

Thành phần	Nguồn	Loại	ppm	mg/m ³	Chú giải
Sodium Cyanide	OSHAH	PEL		5 mg / m ³	Tối đa
	ACGIH	TWA		5 mg / m ³	Tối đa

2. Các biện pháp hạn chế tiếp xúc cần thiết :

Mức độ bảo vệ và cách thức kiểm soát cần thiết sẽ thay đổi tùy theo điều kiện phơi nhiễm tiềm ẩn. Lựa chọn cách thức kiểm soát dựa trên đánh giá rủi ro của hoàn cảnh tại chỗ. Các biện pháp thích hợp bao gồm: Tạo sự thông gió phù hợp trong các khu vực cất trữ. Sử dụng các hệ thống được lắp càng kín càng tốt. Sự thông gió chống nổ phù hợp để kiểm soát sự ngưng đọng trong không khí ở dưới hướng dẫn/ giới hạn sự tiếp xúc. Khuyến cáo nên có thông gió để thoát khí cục bộ.

3. Các phương tiện bảo hộ cá nhân khi làm việc:

Trang bị bảo vệ cá nhân (PPE) phải thỏa mãn các tiêu chuẩn của quốc gia.

Bảo vệ mắt: Kính bảo hộ chống bắn dính hóa chất (kính bảo hộ đơn).

Bảo vệ thân thể: Sử dụng quần áo bảo hộ có khả năng kháng hóa chất đối với vật liệu này.

Bảo vệ tay: Tính thích hợp và độ bền của găng tay phụ thuộc vào cách sử dụng, chẳng hạn tần suất và thời gian tiếp xúc, độ bền hóa chất của vật liệu làm găng tay, độ dày của găng tay, độ dẻo. Luôn tham khảo ý kiến các nhà cung cấp găng tay. Nên thay găng tay đã bị nhiễm bẩn. Khi tiếp xúc bằng tay với sản phẩm thì sử dụng găng tay đạt các tiêu chuẩn tương ứng (như Châu Âu: EN374, Mỹ: F739) được làm từ các vật liệu sau có thể đem lại sự bảo vệ hóa học thích hợp: Cao su nitril, PVC viton. Vấn đề vệ sinh cá nhân là yếu tố hàng đầu cho công việc bảo vệ đôi tay hiệu quả. Chỉ khi nào tay sạch mới được đeo bao tay.

Bảo vệ chân: Giày và ủng an toàn cũng cần phải có khả năng kháng hóa chất.

Bảo vệ cơ quan hô hấp: Nếu các kiểm soát kỹ thuật không duy trì nồng độ trong không khí đến một mức phù hợp để bảo vệ sức khỏe công nhân, hãy chọn thiết bị bảo vệ phù hợp với các điều kiện sử dụng cụ thể và đáp ứng các điều luật tương ứng. Khi dụng cụ thở có lọc khí thích hợp, chọn mặt nạ và bộ lọc phù hợp. Chọn một bộ lọc phù hợp. Khi thiết bị bảo vệ hô hấp được yêu cầu, sử dụng mặt nạ che kín mặt. Khi dụng cụ thở có lọc khí không thích hợp (ví dụ như nồng độ trong không khí cao, nguy cơ thiếu ôxy, không gian hạn chế) sử dụng dụng cụ thở có áp suất.

4. Phương tiện bảo hộ trong trường hợp xử lý sự cố: Như phương tiện, trang thiết bị bảo hộ khi làm việc và bình dưỡng khí. 5. Các biện pháp vệ sinh: Tắm rửa, vệ sinh thân thể sạch sẽ ngay sau khi sử dụng hay tiếp xúc với hoá chất. Phải có chỗ rửa mắt, thuốc hay thiết bị tẩy rửa, gần khu vực làm việc, dán kí hiệu cảnh báo nguy hiểm. . Phương pháp theo dõi: Cần giám sát nồng độ của sản phẩm trong khu vực hít thở của công nhân hoặc trong khu vực làm việc nói chung để tuân thủ OEL và kiểm soát tiếp xúc. Đối với một số sản phẩm cũng phải giám sát sinh học phù hợp. Các ví dụ về các phương pháp được khuyến dùng để giám sát không khí được đưa ra dưới đây hay liên hệ với nhà cung cấp. Có thể có sẵn các biện pháp cấp quốc gia. Học viện Quốc gia Hoa Kỳ về An toàn và Vệ sinh lao động (NIOSH): Sổ tay hướng dẫn Phương pháp phân tích http://www.cdc.gov/niosh/nmam/nmammenu.html Cục An toàn và Vệ sinh lao động Hoa Kỳ (OSHA): Phương pháp chọn mẫu và phân tích http://www.osha-slc.gov/dts/sltc/methods/toc.html. Cơ quan Vệ sinh và An toàn Anh Quốc (HSE): Phương pháp xác định các yếu tố nguy hại http://hls.gov.uk/search.html
--

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT	
Trạng thái vật lý: Chất rắn	Điểm sôi (°C): 1.496 °C
Màu sắc: Màu trắng.	Điểm nóng chảy (°C): 563°C
Mùi đặc trưng: Mùi hạnh nhân	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định : Không phù hợp
Áp suất hóa hơi (mm Hg) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn (20 °C) : Không phù hợp	Nhiệt độ tự cháy (°C): Không phù hợp.
Tỷ trọng hơi (Không khí = 1) ở nhiệt độ, áp suất tiêu chuẩn : Không phù hợp	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): Không phù hợp.
Độ hòa tan trong nước: Tan trong nước	Giới hạn nồng độ cháy, nổ dưới (% hỗn hợp với không khí): Không phù hợp
Độ pH : Không có thông tin	Tỷ lệ hóa hơi: Không phù hợp
Khối lượng riêng (kg/m ³) : 1.600 kg / m ³	Khối lượng phân tử: Không có thông tin.

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG HOẠT ĐỘNG CỦA HÓA CHẤT	
1. Tính ổn định: ổn định ở điều kiện sử dụng và bảo quản bình thường. Độ ẩm sẽ làm chậm phân hủy, giải phóng ra khí độc HCN 2. Khả năng phản ứng : - Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy: Khí độc, HCN, Oxit nito - Phản ứng trùng hợp: không xảy ra - Phản ứng tương khắc: các chất oxy hóa mạnh, Mg, F, ClO⁻ NO₃⁻, NO₂⁻ , acid. Phản ứng với acid để giải phóng khí độc hại, dễ cháy HCN, phản ứng với cacbon dioxit trong không khí tạo thành HCN. - Nên tránh: độ ẩm, nhiệt	

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH				
Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử

Sodium Cyanide	LD ₅₀	6,4 mg/kg	miệng	Chuột		
	LD ₅₀	10,4 mg/kg	da	Thỏ		
1. Các ảnh hưởng mãn tính với người :						
Khả năng gây ung thư: Không được phân loại là chất gây ung thư theo các tiêu chuẩn phân loại của ACGIH và IARC						
2. Các ảnh hưởng độc khác						
Ảnh hưởng đến các vi sinh vật, môi trường						
XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI						
1. Độc tính với sinh vật						
Tên thành phần	Loại sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả			
Sodium cyanide	Cá và các loài thủy sinh	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin.			
2. Tác động trong môi trường						
- Mức độ phân hủy sinh học: Chưa có thông tin						
- Chỉ số BOD và COD: Chưa có thông tin						
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: Chưa có thông tin						
- Mức độ độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: Rất độc.						
XIII. YÊU CẦU TRONG VIỆC THẢI BỎ						
1. Thông tin quy định tiêu hủy (thông tin về luật pháp) - Căn cứ theo quy định hiện hành Luật Hóa Chất số 06/2007/QH12 ngày 21 tháng 11 năm 2007 và các văn bản hướng dẫn.						
2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải: Không có thông tin						
3. Biện pháp tiêu hủy: Liên hệ với các cơ quan chức năng để xử lý.						
4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý : Không có						
XIV. YÊU CẦU TRONG VẬN CHUYỂN						
Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009	1689	Sodium Cyanide	Loại 6.1	Nhóm I		Không có thông tin.

của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ; - Nghị định số 29/2005/NĐ-CP ngày 10/3/2005 của CP quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và việc vận tải hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.						
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...	1689	Sodium Cyanide	Loại 6.1	Nhóm I		Không có thông tin.

XV. QUY CHUẨN KỸ THUẬT VÀ QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT PHẢI TUÂN THỦ

1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới : **Chưa có thông tin.**
2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký: **Chưa có thông tin.**
3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ:
 - Tiêu chuẩn Việt Nam : TCVN 5507:2002
 - Nghị định số 104/2009/NĐ-CP ngày 09/11/2009 của CP quy định Danh mục hàng nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ;
 - Thông tư 28/2010/TT-BTC ngày 28/06/2010 của Bộ Công Thương quy định cụ thể một số điều của Luật Hóa Chất và Nghị định 108/2008/NĐ-CP.
 - Thông tư 04/2012/TT-BCT ngày 13/02/2012 của Bộ Công Thương quy định về phân loại và ghi nhãn hóa chất.

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu: **01/01/2011**

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: **01/06/2012**

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: **Công ty TNHH Thương Mại Sương Mai**

Lưu ý người đọc:

- Những thông tin trong Phiếu an toàn hóa chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hóa chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.
- Hóa chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.

CÔNG TY TNHH TM SƯƠNG MAI

PHẠM THỊ SƯƠNG MAI